

Phụ lục 1.4

Dự toán kinh phí tổ chức Hội thao Giáo dục quốc phòng và an ninh các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp Thành phố năm 2025
(Đính kèm Công văn số: 904/GDNN ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Phòng Giáo dục nghề nghiệp)

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Cách tính</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Thù lao Ban Tổ chức		12,840,000	
-	Trưởng BTC, Phó trưởng BTC	= 80.000 đồng/người x 05 người x 6 ngày	2,400,000	- Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011. - Quyết toán theo thực tế.
-	Ủy viên	= 60.000 đồng/người x 04 người x 6 ngày	1,440,000	- Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011. - Quyết toán theo thực tế.
-	Tiểu ban chuyên môn	= 60.000 đồng/người x 05 người/tiểu ban/môn x 5 môn x 06 ngày/tiểu ban	9,000,000	- Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011. - Quyết toán theo thực tế.
2	Thù lao trọng tài		176,200,000	
-	Trọng tài chính	= 60.000 đồng/người/buổi x 25 người x 10 buổi	15,000,000	- Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011. - Quyết toán theo thực tế.
-	Trọng tài phụ, thư ký	= 50.000 đồng/người/buổi x 30 người x 10 buổi	15,000,000	- Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011. - Quyết toán theo thực tế.
-	Tổ bảo vệ, giữ trật tự	= 45.000 đồng/người/buổi x 5 người/môn x 5 môn x 10 buổi	11,250,000	- Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011. - Quyết toán theo thực tế.
-	Phục vụ	= 45.000 đồng/người/buổi x 10 người x 10 buổi	4,500,000	- Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011. - Quyết toán theo thực tế.
-	Y tế	= 45.000 đồng/người/buổi x 4 người/môn x 5 môn x 10 buổi	9,000,000	- Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011. - Quyết toán theo thực tế.

-	Bảng tên đơn vị	= 100.000 đồng/cái x 50 cái	5,000,000	- điểm d khoản 5 Điều 4 Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011. - Khoản 1 Điều 4 và điểm d Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 79/2012/TLTT-BTC-BLĐT BXH ngày 21/5/2012. - Quyết toán theo thực tế.
-	Bảng tên ban tổ chức, trọng tài, vận động viên	= 20.000 đồng/cái x 250 cái	5,000,000	- điểm d khoản 5 Điều 4 Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011. - Khoản 1 Điều 4 và điểm d Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 79/2012/TLTT-BTC-BLĐT BXH ngày 21/5/2012. - Quyết toán theo thực tế.
-	Chi giải khát giữa giờ	= 20.000 đồng/người/buổi x 300 người x 10 buổi	60,000,000	- Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017. - Quyết toán theo thực tế.
-	In băng rôn	= 1.000.000 đồng/cái (3m x 5m) x 02 cái/môn x 05 môn; = 140.000 đồng/cái (0.8m x 2.4m) x 30 cái (treo ngoài đường)	14,200,000	- Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017. - Quyết toán theo thực tế.
-	Văn phòng phẩm	= 1.000.000 đồng/môn x 5 môn	5,000,000	- Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017; - Quyết toán theo thực tế.
-	Cờ toàn đoàn (cờ loại lớn, kích thước 0,5m x 0,7m)	= 250.000 đồng/cờ x 5 môn x 3 cờ/môn	3,750,000	- điểm c Khoản 5 Điều 4 Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011. - Quyết toán theo thực tế.
-	Cờ lưu niệm (cờ loại trung, kích thước 0,4m x 0,6m)	= 150.000 đồng/cờ x 100 cờ	15,000,000	- điểm c Khoản 5 Điều 4 Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011. - Quyết toán theo thực tế.
-	Vận chuyển, lắp ráp dụng cụ	= 1.500.000 đồng/môn x 5 môn	7,500,000	- Khoản 6 Điều 3 Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011. - Quyết toán theo thực tế.
-	Làm huy chương	= 60.000 đồng/cái x 100 cái	6,000,000	- Khoản 9 Điều 3 Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011. - Quyết toán theo thực tế.
-	Khung giấy khen, giấy chứng nhận	= 100.000 đồng/khung x 100 cái	10,000,000	- Điểm đ Khoản 1 Điều 3 Thông tư 79/2012/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 21/5/2012 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Quyết toán theo thực tế
3	Giải thưởng		44,800,000	
3.1	Đội ngũ tiểu đội		9,600,000	

-	Nội dung đồng đội	= 01 giải nhất: 2.500.000 đồng; 01 giải nhì: 1.500.000 đồng; 01 giải ba: 800.000 đồng (<i>Tính 02 giải nhất, 02 giải nhì, 02 giải ba trường hợp đồng hạng</i>)	9,600,000	- Điều 7 Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố. - Quyết toán theo thực tế
3.2	<i>Ném lựu đạn trúng đích</i>		8,800,000	
-	Nội dung nam	= 01 giải nhất: 1.200.000 đồng; 01 giải nhì: 600.000 đồng; 01 giải ba: 400.000 đồng (<i>Tính 02 giải nhất, 02 giải nhì, 02 giải ba trường hợp đồng hạng</i>)	4,400,000	- Điều 7 Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố. - Quyết toán theo thực tế
-	Nội dung nữ	= 01 giải nhất: 1.200.000 đồng; 01 giải nhì: 600.000 đồng; 01 giải ba: 400.000 đồng (<i>Tính 02 giải nhất, 02 giải nhì, 02 giải ba trường hợp đồng hạng</i>)	4,400,000	
3.3	<i>Tháo, lắp súng tiểu liên AK ban ngày</i>		8,800,000	
-	Nội dung nam	= 01 giải nhất: 1.200.000 đồng; 01 giải nhì: 600.000 đồng; 01 giải ba: 400.000 đồng (<i>Tính 02 giải nhất, 02 giải nhì, 02 giải ba trường hợp đồng hạng</i>)	4,400,000	- Điều 7 Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố. - Quyết toán theo thực tế
-	Nội dung nữ	= 01 giải nhất: 1.200.000 đồng; 01 giải nhì: 600.000 đồng; 01 giải ba: 400.000 đồng (<i>Tính 02 giải nhất, 02 giải nhì, 02 giải ba trường hợp đồng hạng</i>)	4,400,000	
3.4	<i>Bắn súng tiểu liên AK bài 1 trên máy bắn tập MBT-03</i>		8,800,000	

-	Nội dung nam	= 01 giải nhất: 1.200.000 đồng; 01 giải nhì: 600.000 đồng; 01 giải ba: 400.000 đồng (Tính 02 giải nhất, 02 giải nhì, 02 giải ba trường hợp đồng hạng)	4,400,000	- Điều 7 Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố. - Quyết toán theo thực tế
-	Nội dung nữ	= 01 giải nhất: 1.200.000 đồng; 01 giải nhì: 600.000 đồng; 01 giải ba: 400.000 đồng (Tính 02 giải nhất, 02 giải nhì, 02 giải ba trường hợp đồng hạng)	4,400,000	
3.5	<i>Chạy vũ trang có mang súng tiểu liên AK</i>		8,800,000	
-	Nội dung nam	= 01 giải nhất: 1.200.000 đồng; 01 giải nhì: 600.000 đồng; 01 giải ba: 400.000 đồng (Tính 02 giải nhất, 02 giải nhì, 02 giải ba trường hợp đồng hạng)	4,400,000	- Điều 7 Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố. - Quyết toán theo thực tế
-	Nội dung nữ	= 01 giải nhất: 1.200.000 đồng; 01 giải nhì: 600.000 đồng; 01 giải ba: 400.000 đồng (Tính 02 giải nhất, 02 giải nhì, 02 giải ba trường hợp đồng hạng)	4,400,000	
4	Địa điểm, nguyên vật liệu thi đấu		90,000,000	
-	Hỗ trợ địa điểm, trang thiết bị, nguyên vật liệu tổ chức thi đấu	= 15.000.000 đồng/ngày x 06 ngày	90,000,000	- Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC- BVHTTDL ngày 30/12/2011. - Quyết toán theo thực tế.
Tổng cộng (I+II+III)			323,840,000	<i>Ba trăm hai mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi ngàn đồng</i>